

Số: 5789 /NHNN – TCKT
V/v kế hoạch tài chính và giao chỉ
tiêu đánh giá hiệu quả đầu tư vốn
nhà nước của Agribank năm 2021.

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2021

Kính gửi: Người đại diện vốn chủ sở hữu trực tiếp tại
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam

Căn cứ Nghị định 93/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về chế độ tài chính đối với TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn Nhà nước tại TCTD do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và TCTD có vốn Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 12/2018/TT-BTC ngày 31/01/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn Nhà nước tại TCTD do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và TCTD do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 114/2020/TT-BTC);

Căn cứ Quyết định số 313/QĐ-NHNN ngày 27/02/2018 của Thống đốc NHNN quy định về trình tự, thủ tục trình, phê duyệt hoặc có ý kiến về kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính; giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp đối với doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp có vốn Nhà nước do NHNN quản lý;

Xét đề nghị của Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại Ngân hàng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) về kế hoạch tài chính năm 2021 tại Công văn số 76/HĐTV-TCKT ngày 18/02/2021 và Công văn số 150/HĐTV-KHNV ngày 01/4/2021; trên cơ sở ý kiến của Bộ Tài chính tại Công văn số 7678/BTC-TCNH ngày 13/7/2021, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) có ý kiến như sau:

1. Kế hoạch tài chính năm 2021

1.1. Các chỉ tiêu kế hoạch tài chính năm 2021 (Agribank riêng lẻ)

- Tổng thu nhập: **127.579 tỷ đồng**
- Tổng chi phí: **113.943 tỷ đồng**
- Lợi nhuận trước thuế: **13.636 tỷ đồng**
- Lợi nhuận sau thuế: **10.909 tỷ đồng**

Nếu lợi nhuận tăng thêm so với kế hoạch NHNN giao thì Agribank sử dụng phần lợi nhuận tăng thêm để trích lập dự phòng rủi ro tín dụng tối đa theo quy định của NHNN.

1.2. Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại Agribank thực hiện chỉ tiêu theo đúng chế độ tài chính, quy định của pháp luật và chỉ đạo của Chính phủ, chỉ đạo của Thống đốc NHNN tại Chỉ thị 01/CT-NHNN ngày 07/01/2021 về tổ

chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành Ngân hàng trong năm 2021, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả..

2. Giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước năm 2021 tại Agribank (riêng lẻ)

- Chỉ tiêu 1. Doanh thu: **127.579 tỷ đồng**.
- Chỉ tiêu 2. Lợi nhuận sau thuế và tỷ suất lợi nhuận sau thuế:
+ Lợi nhuận sau thuế: **10.909 tỷ đồng**.
- + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu: **13,7%**.
- Chỉ tiêu 3. Tỷ lệ nợ xấu và tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn:
+ Tỷ lệ nợ xấu: **< 1,8 %**;
- + Tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn: **< 1,8 %**.
- Chỉ tiêu 4. Chấp hành chế độ, chính sách pháp luật của doanh nghiệp về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, pháp luật về thuế và các khoản thu nộp ngân sách khác, quy định về báo cáo tài chính, báo cáo để thực hiện giám sát tài chính.

3. Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại Agribank phải thực hiện đầy đủ quyền, trách nhiệm của người đại diện liên quan đến việc quản lý tài chính, giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

NHNN có ý kiến và đề nghị Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại Agribank triển khai thực hiện. *u*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tài chính;
- Thống đốc NHNN (để b/c);
- PTĐ Đào Minh Tú;
- PTĐ Đoàn Thái Sơn;
- Vụ TCCB, CQTTGSNH (để p/h);
- Lưu VP, TCKT5.NTTHOA. *u*

Đính kèm:

- Phụ lục.

**KT.THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC**



Đào Minh Tú



Phụ lục

THÔNG BÁO KẾ HOẠCH THU NHẬP, CHI PHÍ NĂM 2021
Đơn vị: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam
 (Kèm theo Công văn số 5789/NHNN-TCKT ngày 12/8/2021)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Số tiền
A	B	C
I	Thu nhập chi phí	
1	Thu nhập	127.579.174
2	Chi phí	113.942.823
2.1	Chi về hoạt động huy động vốn	71.730.000
2.2	Chi dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	2.290.000
2.3	Chi về hoạt động khác	1.306.000
2.4	Chi về tài sản	3.656.828
2.5	Chi cho nhân viên	14.091.690
	<i>Trong đó: Chi tiền lương và phụ cấp lương (*)</i>	<i>12.240.690</i>
2.6	Chi nộp thuế, phí và các khoản lệ phí	145.000
2.7	Chi hoạt động quản lý công vụ	5.413.305
2.8	Chi dự phòng và BHTG	14.650.000
	<i>Trong đó: Chi DPRR tín dụng</i>	<i>13.000.000</i>
	<i>Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng</i>	<i>1.650.000</i>
2.9	Chi khoản chi phí khác	660.000
	<i>Trong đó: Chi an sinh xã hội</i>	<i>400.000</i>
II	Lợi nhuận riêng lẻ trước thuế	13.636.350
	Thuế TNDN	2.727.270
III	Lợi nhuận riêng lẻ sau thuế	10.909.080
IV	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	13,7%

Ghi chú: (*) Khoản chi tiền lương và phụ cấp lương đã được NHNN phê duyệt tại Công văn số 3989/NHNN-TCCB ngày 07/6/2021.